

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (VCAMBF)
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2022

The logo consists of the letters "VCAM" in a bold, blue, serif font, centered within a white rectangular box that has a slight upward curve at the bottom.

VCAM

VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
14:00 – 14:10	Khai mạc Đại hội 1. Thông qua tính hợp lệ của Đại hội 2. Phát biểu khai mạc Đại hội
14:10 – 14:50	Phần báo cáo 1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 của Quỹ 2. Kế hoạch hoạt động và chiến lược đầu tư năm 2023 của Quỹ 3. Báo cáo giám sát của Ngân hàng Giám sát Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa 4. Những vấn đề khác
14:50 – 15:00	Phần biểu quyết
15:00 – 15:20	Thảo luận và trao đổi
15:20 – 15:30	Bế mạc Đại hội 1. Công bố kết quả biểu quyết của Ban kiểm phiếu 2. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội 3. Tuyên bố bế mạc Đại hội

NỘI DUNG BÁO CÁO

Phần I

KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Phần II

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Phần III

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

Phần IV

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

NỘI DUNG BÁO CÁO

Phần I

KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Phần II

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Phần III

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

Phần IV

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

GDP 2022 tăng trưởng ở mức cao

- Tính chung cả năm 2022, GDP tăng trưởng 8,02%, cao nhất trong hơn 1 thập kỷ với động lực chính đến từ mức nền thấp của năm 2021.
- Khu vực công nghiệp / xây dựng và khu vực dịch vụ vẫn giữ vai trò là trụ cột của kinh tế, đóng góp 35.7% và 52.9% vào mức tăng trưởng GDP.

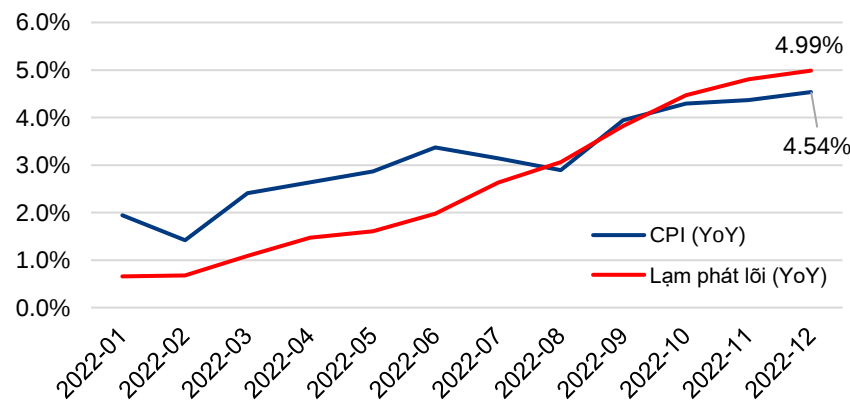
CPI dần bình ổn trở lại sau khi tăng nóng trong Quý III

- Chỉ số CPI và lạm phát lõi dần ổn định ở Quý IV nhờ vào chính sách tiền tệ thắt chặt và giá xăng dầu, sắt thép bình ổn trở lại. Trong cả năm, CPI tăng 4,54% trong khi lạm phát lõi tăng gần 5,0%, tương đối đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra đầu năm.
- Tuy nhiên, CPI vẫn sẽ đối mặt với rủi ro tăng vào khi đợt bình ổn gần đây chủ yếu đến từ các đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu. Trong 2023, Việt Nam sẽ cần tăng cường nhập khẩu xăng dầu do MNLD Dung Quất và Nghi Sơn bảo dưỡng và giảm sản lượng.

Tăng trưởng GDP



Diễn biến CPI năm 2022

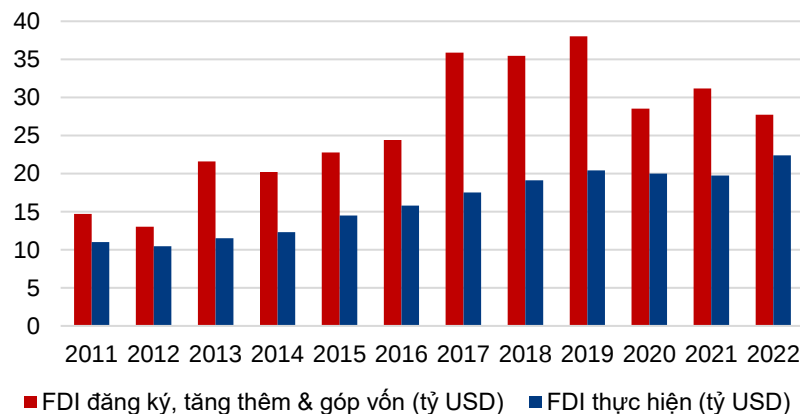


MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Vốn FDI giải ngân đạt mức cao nhất

- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong 2022 đạt gần 28 tỷ USD, **giảm 11% YoY**. Vốn đăng ký cấp mới sụt **giảm 18,4% YoY** chỉ đạt 12,5 tỷ USD, trong khi số sự án lại tăng 17% cho thấy các dự án mới sẽ có quy mô nhỏ hơn các năm trước. Chính sách thắt chặt tiền tệ ở các nước phát triển cũng là nguyên nhân khiến dòng FDI chững lại. Điểm sáng nằm ở FDI đăng ký điều chỉnh, đạt 10,1 tỷ USD, **tăng 12,2% YoY**.
- Năm 2022, vốn FDI giải ngân đạt 22,4 tỷ USD, **tăng 13,5% YoY** và **tăng 10%** so với trước dịch là năm 2019. Đây cũng là mức giải ngân FDI cao nhất cả về tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối kể từ năm 2015.

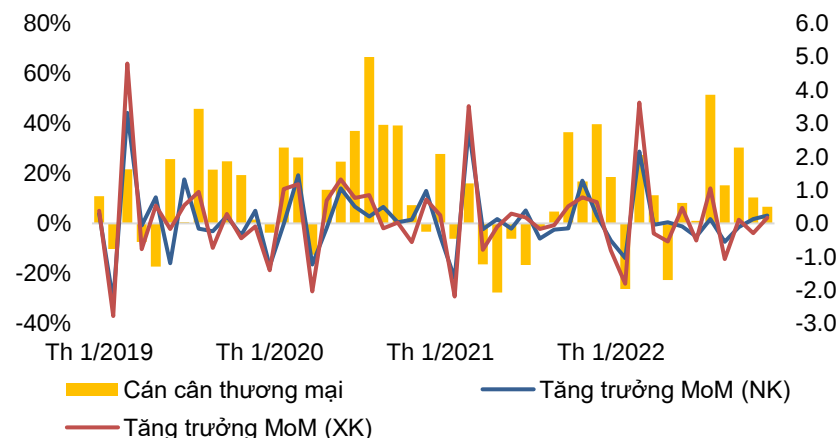
FDI đăng ký & giải ngân



Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư

- Cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục 732,5 tỷ USD, **tăng 9,5% YoY**. Trong đó xuất khẩu đạt 371,9 tỷ USD, **+10,6% YoY** và nhập khẩu đạt 360,7 tỷ USD, **+8,4% YoY**.
- Mặc dù tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong Quý IV đạt 174,6 tỷ USD, **giảm 6,1% YoY** do tình hình kinh tế và đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu chính chậm lại và Trung Quốc duy trì chính sách Zero Covid trong năm 2022, cán cân thương mại cả năm vẫn duy trì trạng thái xuất siêu 11,2 tỷ USD, gần 3 lần năm 2021.

Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại

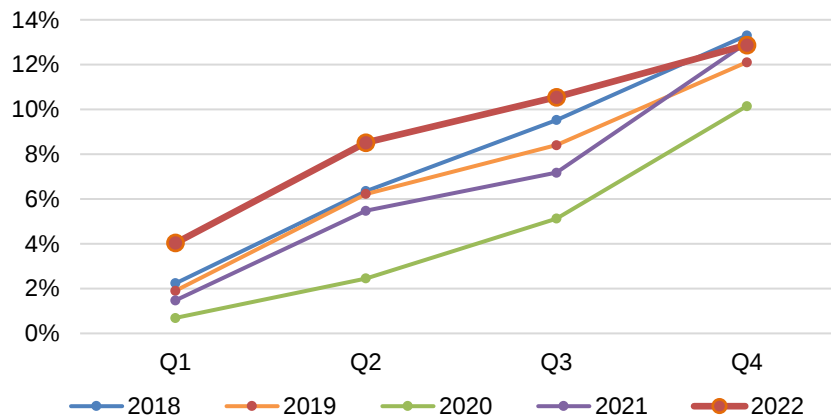


MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Tăng trưởng huy động tiếp tục thấp

- Cuối năm 2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 6,15% so với 2021; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,46%.
- Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 14,18%, cao hơn mức mục tiêu đầu năm là 14%, tuy nhiên thấp hơn mức tăng trưởng điều chỉnh ở cuối năm là 15-16%, cho thấy nhu cầu tín dụng các tháng cuối năm thấp hơn dự kiến.
- Tính đến Quý IV.2022, huy động ghi nhận quý thứ 8 liên tiếp tăng trưởng thấp hơn so với tín dụng.

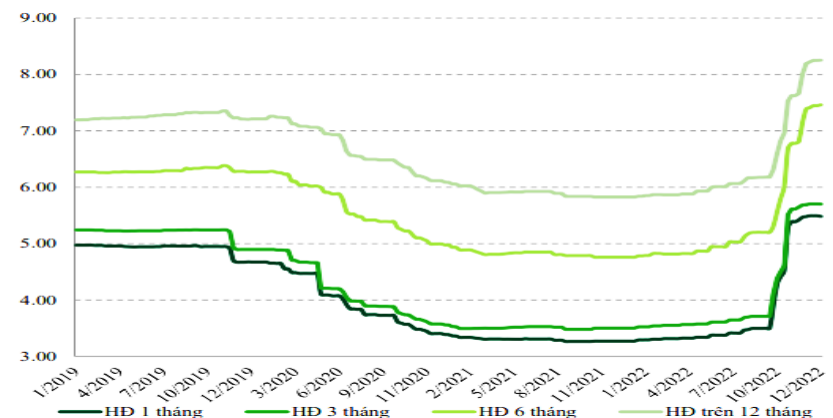
Tăng trưởng tín dụng qua các năm



Lãi suất duy trì mức nền cao

- Năm 2022 đánh dấu lần đầu tiên trong 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước tiến hành hai lần tăng lãi suất điều hành trong vòng 01 tháng (vào ngày 23/09 và ngày 25/10/2022). Cụ thể, lãi suất điều hành sau 02 lần đã tăng thêm 2 điểm phần trăm, theo đó lãi suất huy động bình quân đã tăng tương ứng từ 2,0 - 2,5 điểm phần trăm so với 2021, tập trung tại các kỳ hạn 6 và 9 tháng.
- Tại thời điểm cuối năm 2022, mức lãi suất điều hành này đã cao hơn mặt bằng lãi suất vào năm 2019 – trước khi xảy ra dịch Covid.

Lãi suất huy động tiền gửi bình quân

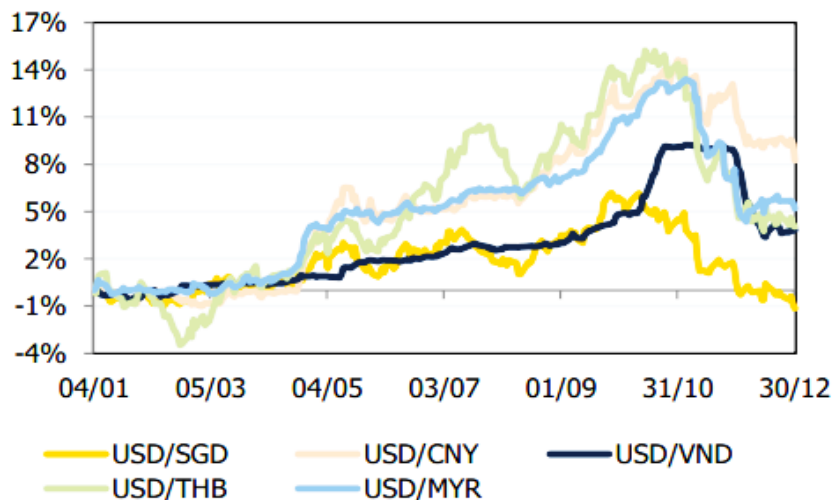


MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Sức ép tỷ giá hạ nhiệt vào cuối năm

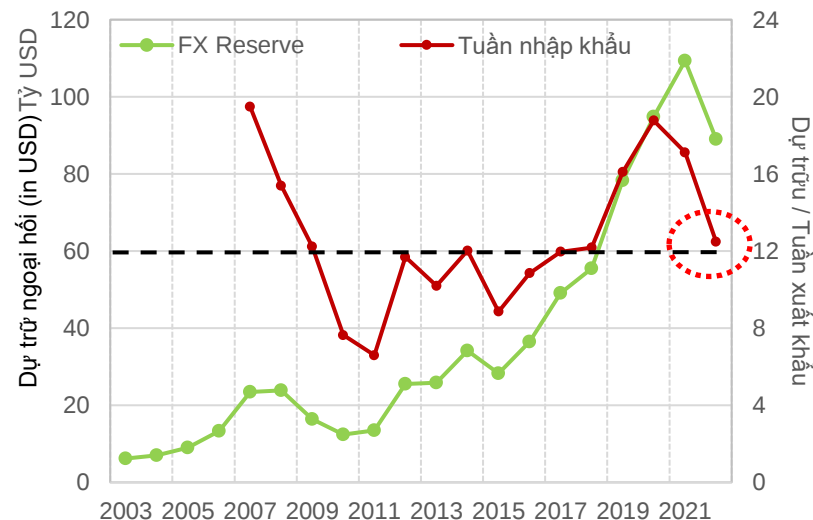
- Đến cuối 2022, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng đã giảm xuống mức 23.633 từ mức 24.702 của ngày 30/11. Tính từ đầu năm 2022, VND chỉ còn mất giá 3,5% so với USD. Đây là sự hồi phục khá tích cực trong 2 tháng cuối năm khi VND đã có lúc mất giá 8,9% so với đầu năm.
- Đối với các nước khác trong khu vực, VND vẫn mất giá ít nhất so với USD. Tuy nhiên, một số đồng như THB, KRW đã hồi phục mạnh mẽ trong các tháng cuối năm với kỳ vòng nguồn vốn từ các nước này có thể bắt đầu quay trở lại Việt Nam

Diễn biến tỷ giá trong năm



- Trong 3 Quý đầu năm, NHNN đã bán ra hơn 20% dự trữ ngoại hối để đối phó với sức ép tỷ giá trong khi phải mất 10 năm mới đạt được con số 109 tỷ USD của năm 2021, khiến cho tỷ lệ dự trữ / tuần nhập khẩu tiệm cận 12 tuần, mức tối thiểu IMF khuyến nghị.
- Tuy chưa công bố số liệu chính thức, NHNN đã có dấu hiệu mua lại USD qua các Ngân hàng Thương mại ngay từ đầu năm 2023 để củng cố dự trữ ngoại hối với con số ước tính là trên 2 tỷ USD.

Dự trữ ngoại hối

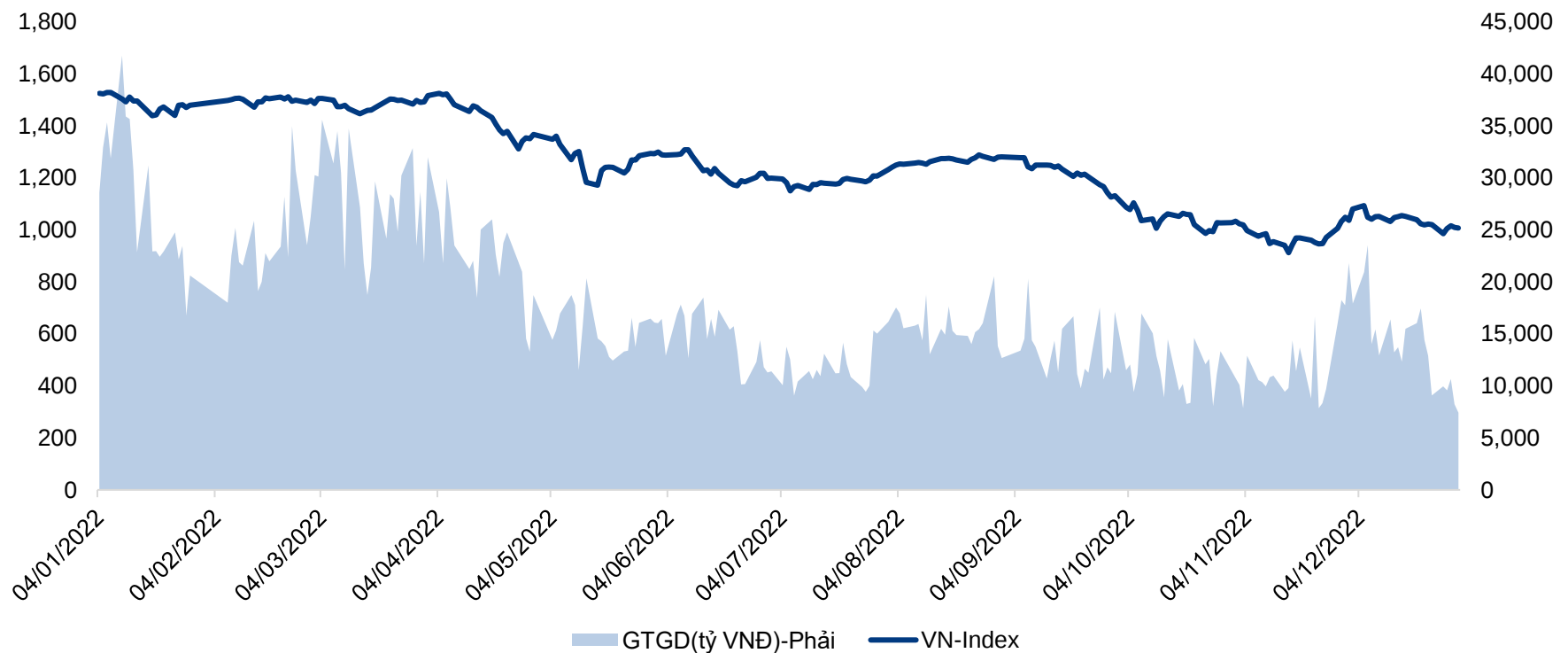


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022

Thị trường chứng khoán giảm điểm, thanh khoản sụt giảm mạnh

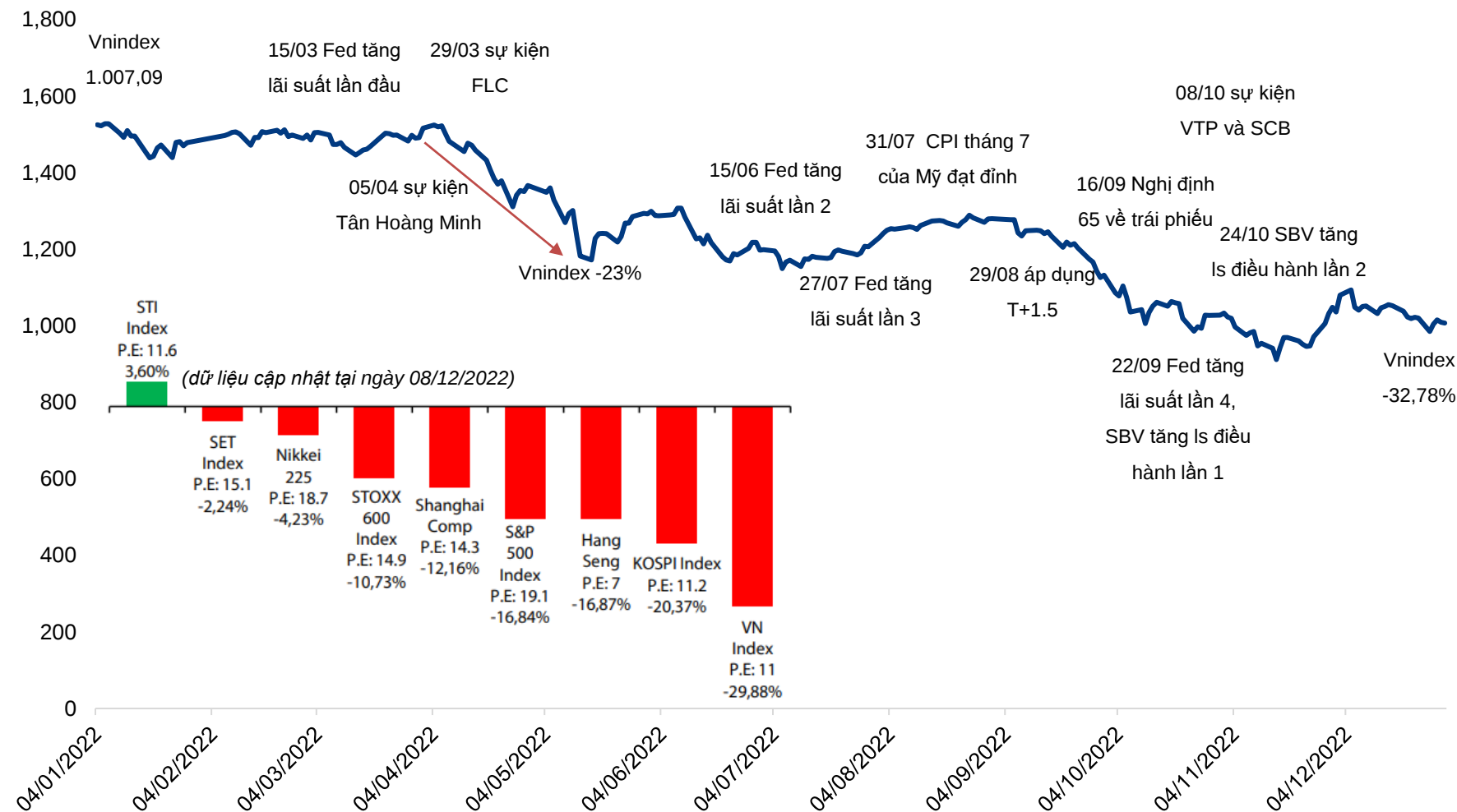
Chốt phiên 30/12/2022, VN-Index đóng cửa tại 1.007,09 điểm, tương ứng giảm 32,78% trên tất cả các nhóm ngành và là năm suy giảm mạnh nhất kể từ năm 2008; đồng thời giá trị giao dịch bình quân năm đạt 17,000 tỷ (-20% yoy).

Chỉ số VN-index và khối lượng giao dịch 2022



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022

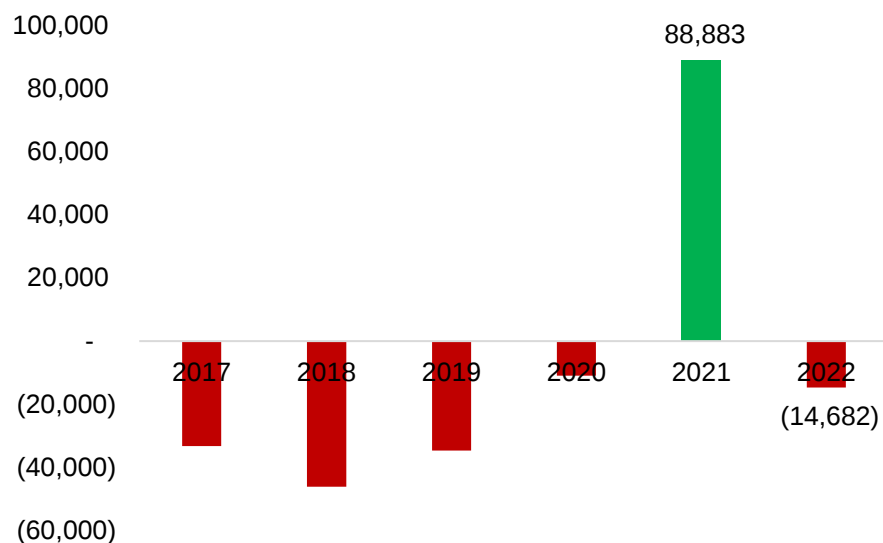
Thị trường chứng khoán & sự kiện năm 2022



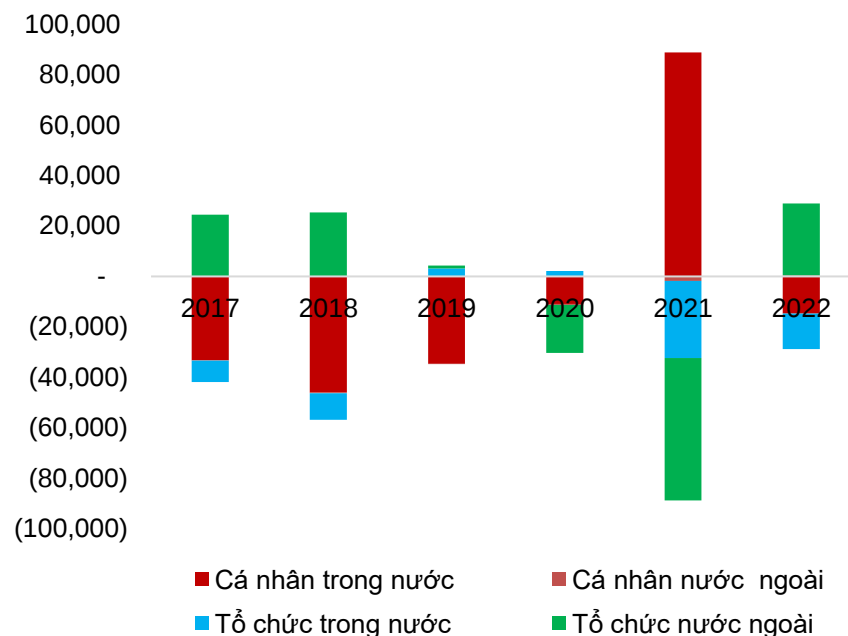
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022

Tổ chức nước ngoài giúp kiềm hãm đà giảm của thị trường

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư trong nước



Giá trị giao dịch ròng của các nhà đầu tư



Khác với sự mua ròng mạnh mẽ năm 2021, năm 2022 các nhà đầu tư cá nhân trong nước bán ròng trở lại và lực mua ròng của các tổ chức nước ngoài đóng vai trò giúp kiềm hãm đà giảm giá của thị trường.

NỘI DUNG BÁO CÁO

Phần I

KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Phần II

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Phần III

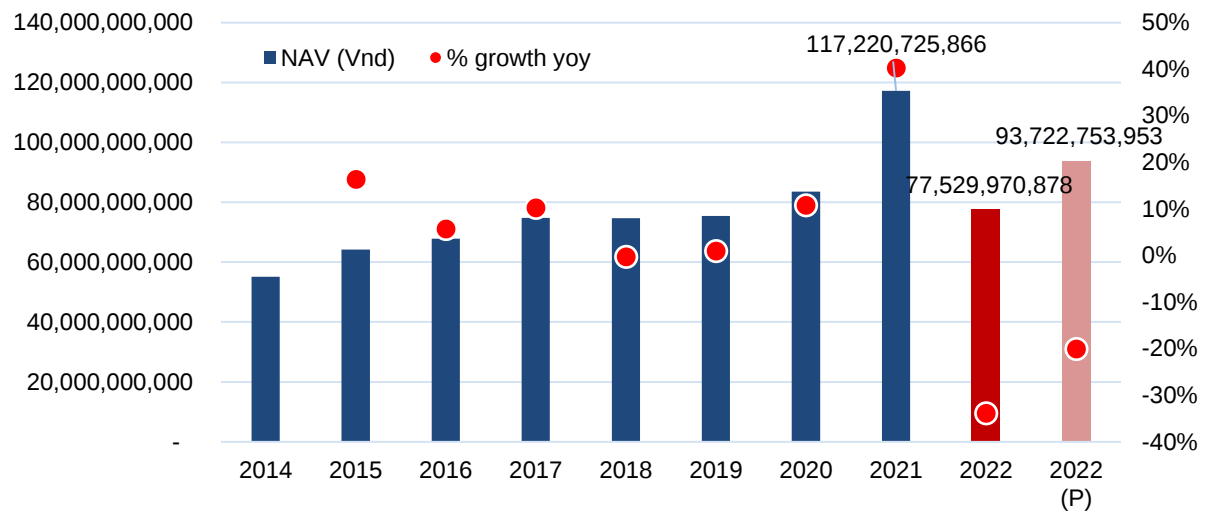
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

Phần IV

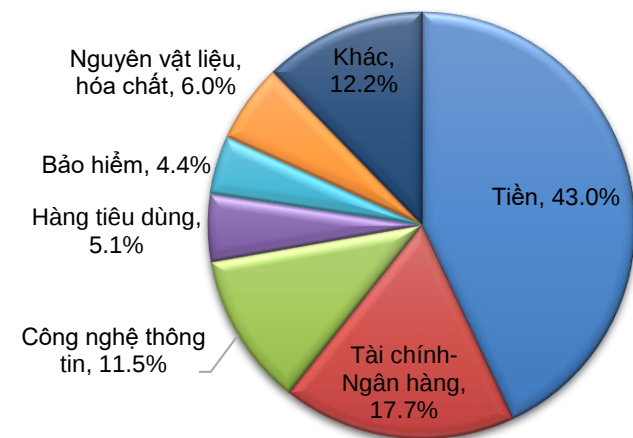
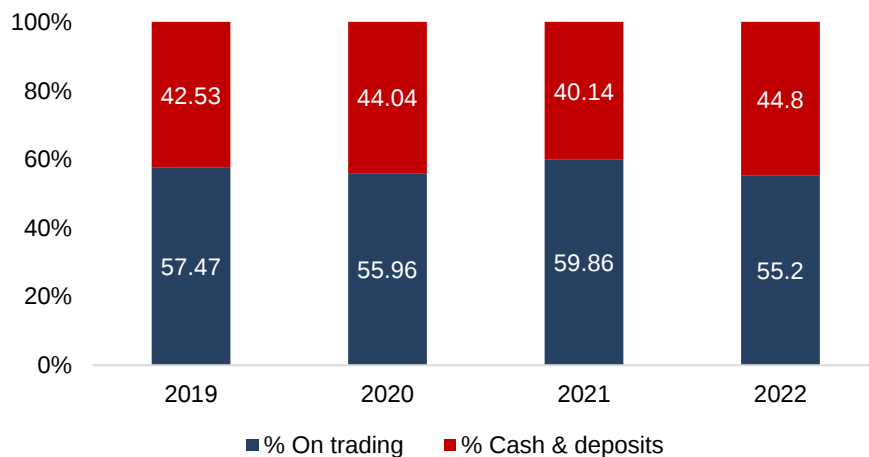
NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ từ khi thành lập đến ngày 31.12.2022



Phân bổ tài sản Quỹ tại ngày 31/12/2022

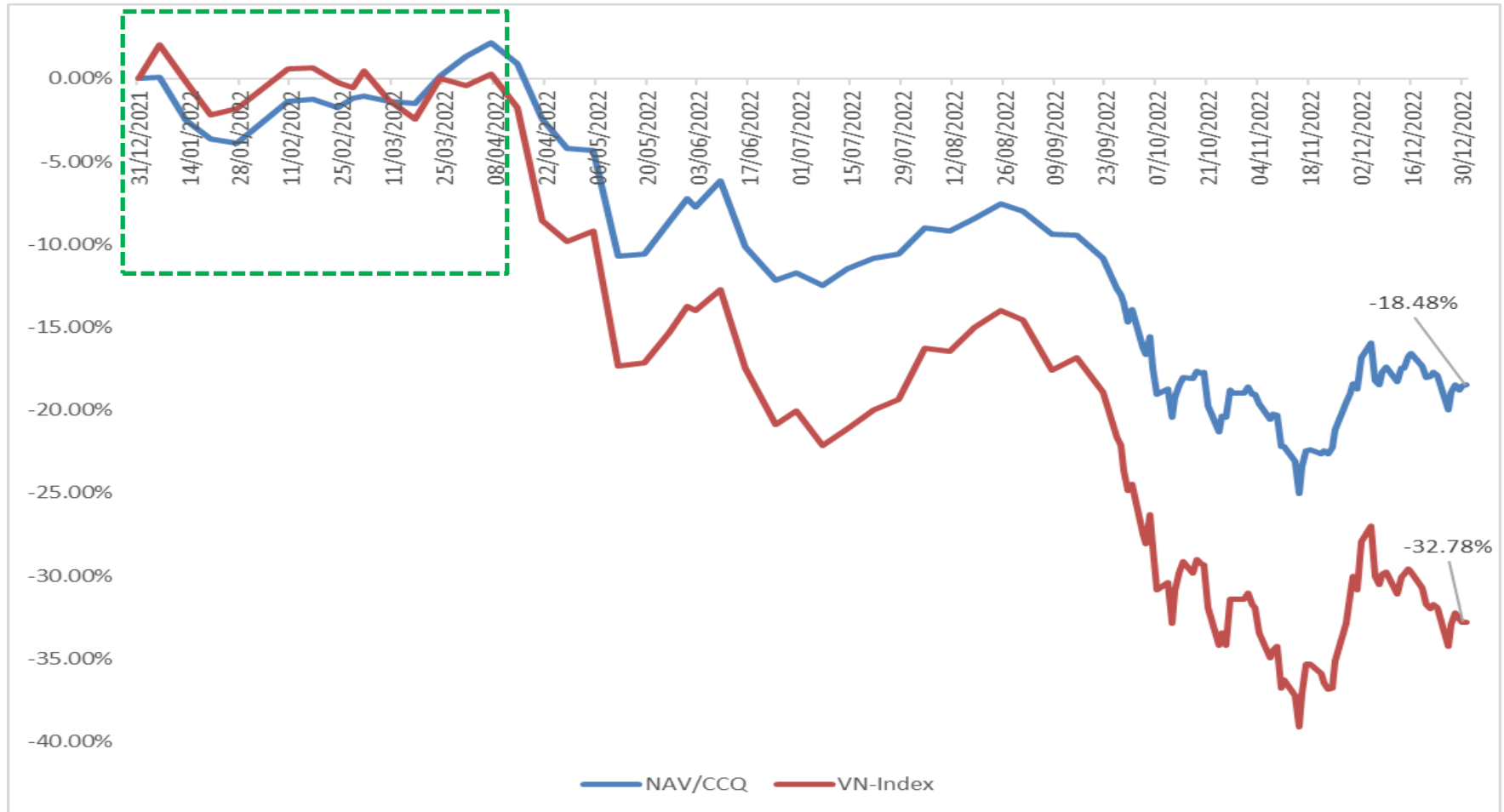


HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ TỪ KHI THÀNH LẬP

	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
NAV/CCQ (Vnd)	10.792,48	12.123,50	12.524,25	11.751,86	11.918,00	12.831,87	16.577,32	13,513.83
<i>Cổ tức tiền mặt</i>	3%	7%	10%	-	5%	5%	5%	-
Tăng trưởng NAV/CCQ (SAU cổ tức)	8,92%	5,92%	9,48%	- 6,36%	1,41%	7,67%	29,19%	- 18,48%
Tăng trưởng NAV/CCQ (TRƯỚC cổ tức)	11,95%	12,40%	18,44%	-6,36%	5,52%	11,73%	32,86%	-
Vnindex	6,1%	14,8%	48,0%	- 9,3%	7,7%	14,9%	35,7%	- 32,8%

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Diễn biến giá Chứng chỉ quỹ VCAMBF trong năm 2022 so với Vnindex

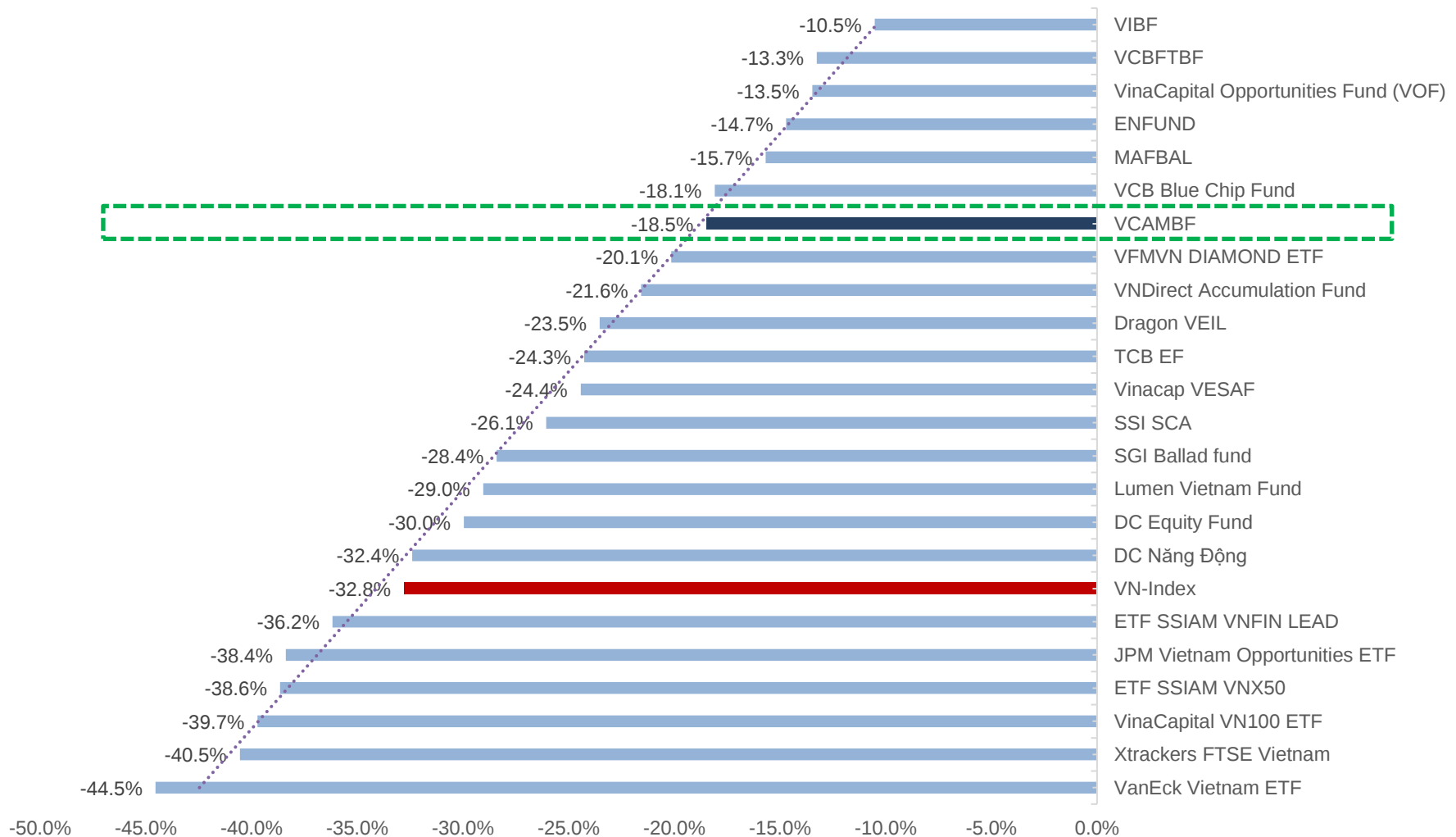


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ FY2022

CHỈ TIÊU	01/01/2022 - 31/12/2022	01/01/2021 - 31/12/2021
DT từ tài sản có thu nhập cố định	2,137,966,629	1,413,613,095
DT từ cổ tức	1,209,829,972	1,404,720,528
DT từ mua bán cổ phiếu (đã thực hiện)	2,118,817,045	16,082,336,009
DT từ mua bán cổ phiếu (chưa thực hiện)	(24,560,220,645)	11,414,534,791
Chi phí hoạt động	(2,370,653,181)	(2,166,107,705)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(21,464,260,180)	28,149,096,718

Tình hình biến động NAV	Giá trị (VND)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) tại ngày 31/12/2021	117,220,725,865
Thay đổi NAV do hoạt động giao dịch và biến động thị trường của Quỹ trong năm	(21,464,260,180)
Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	-
Thay đổi NAV do phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ	1,588,839,857
Thay đổi NAV do mua lại Chứng chỉ Quỹ	(19,815,334,664)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31/12/2022	77,529,970,878

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ SO VỚI CÁC QUỸ KHÁC NĂM 2022



Phần I

KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Phần III

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Phần III

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

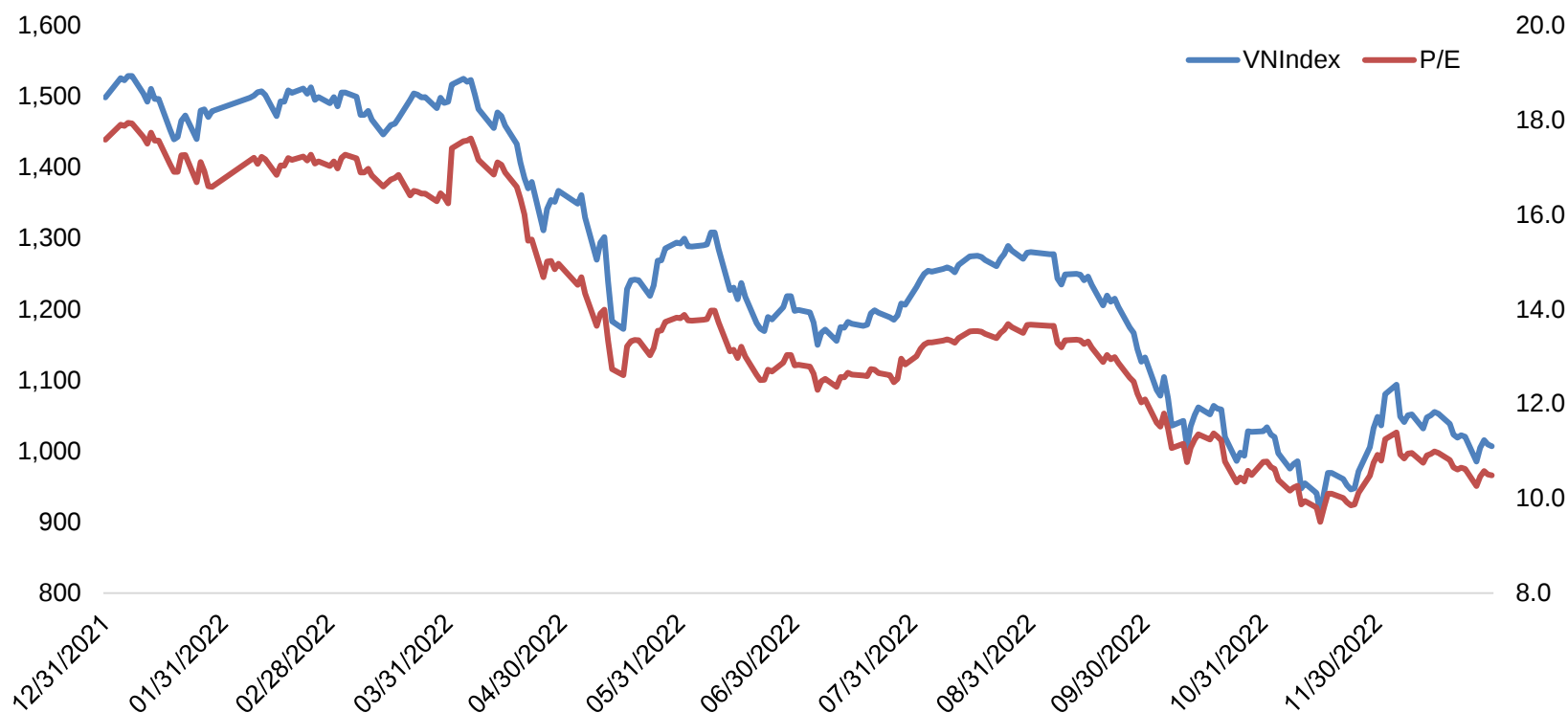
Phần IV

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

Lãi suất tăng và rủi ro tài chính cao đẩy mặt bằng định giá chung thị trường xuống mức thấp

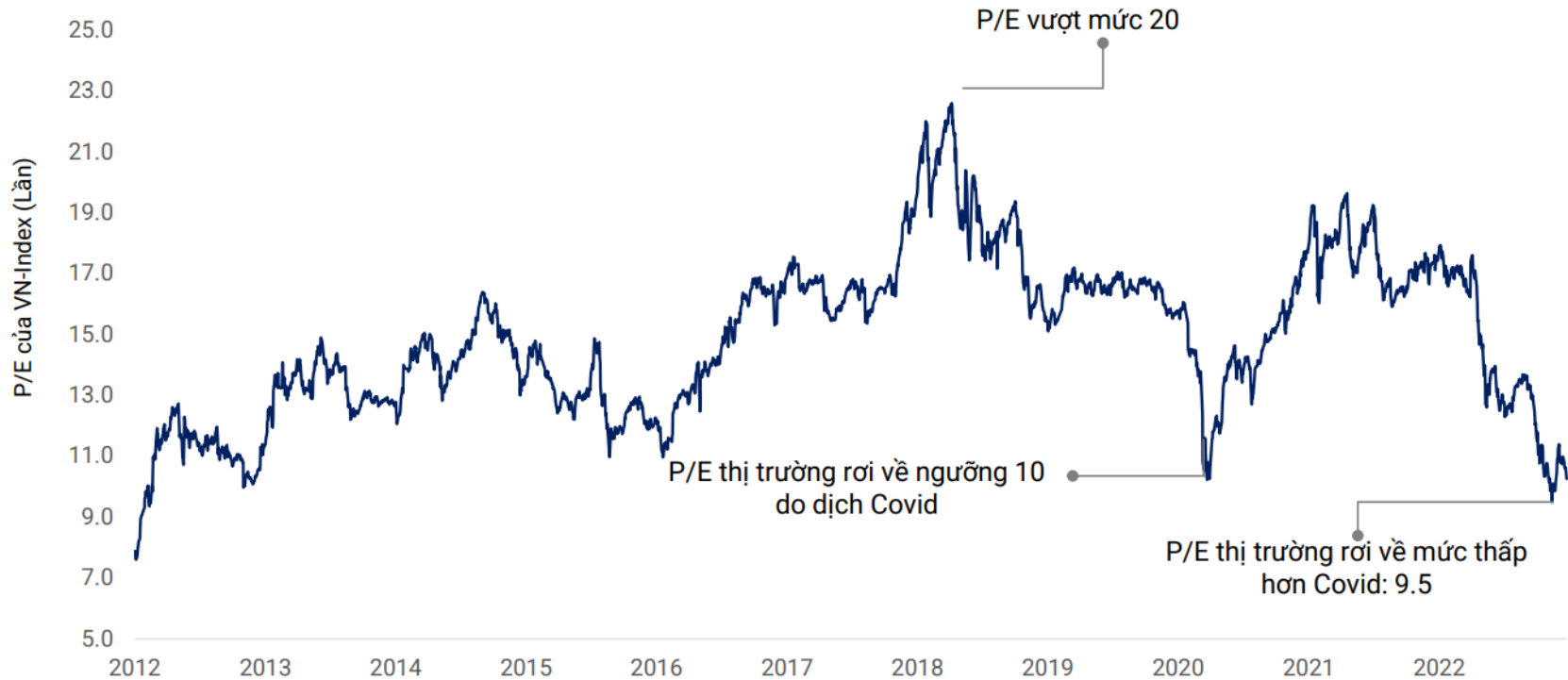
- P/E thị trường về mức dưới 10.0x ở Q4 trước khi hồi phục nhẹ về quanh 11.0x ở cuối năm, phản ánh tâm lý e ngại rủi ro của nhà đầu tư khi hàng loạt các lô trái phiếu, đặc biệt là của nhóm Bất động sản và năng lượng tái tạo có dấu hiệu vỡ nợ ở cuối năm.
- Lãi suất cơ bản tăng cao và phân bù rủi ro của quốc gia gia tăng khiến cho cổ phiếu trở nên kém hấp dẫn.



Nguồn: fiinpro

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

P/E Chỉ số VN-Index (2012 - YTD)



KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT

Kết quả kinh doanh các công ty niêm yết sụt giảm nghiêm trọng trong Quý IV/2022 (-32,3% YOY)

	% vốn hóa thị trường	Định giá		Tăng trưởng DT thuần (YoY)				Tăng trưởng LNST (YoY)				
		P/E	P/B	Q1-22	Q2-22	Q3-22	Q4-22	Q1-22	Q2-22	Q3-22	Q4-22	
TÀI CHÍNH												
Ngân hàng	29.4%	8.3	1.5	22.0%	15.9%	27.9%	14.6%	31.0%	35.9%	53.4%	17.9%	
Bảo hiểm	1.3%	18.8	1.6	13.5%	11.4%	17.5%	18.0%	9.1%	-33.3%	-21.9%	-10.2%	
Dịch vụ tài chính	2.5%	19.1	1.1	35.3%	0.3%	-11.1%	-23.8%	36.2%	-78.8%	-67.7%	-98.7%	
PHI TÀI CHÍNH												
Bất động sản	16.0%	14.8	1.6	-19.5%	-32.5%	10.7%	-8.8%	-12.9%	-34.9%	42.6%	-49.4%	
Thực phẩm và đồ uống	11.9%	20.3	3.0	8.2%	6.1%	15.3%	5.3%	21.8%	11.0%	20.6%	-28.1%	
Hàng & Dịch vụ công nghiệp	8.0%	13.5	2.2	28.3%	3.1%	23.8%	3.3%	48.9%	43.5%	156.9%	-16.2%	
Tiện ích	7.7%	11.7	2.0	27.7%	18.3%	32.0%	17.2%	60.0%	49.8%	23.4%	18.4%	
Xây dựng và Vật liệu	3.8%	13.6	1.2	4.0%	7.6%	24.9%	16.7%	58.1%	34.6%	1.5%	-38.7%	
Du lịch và Giải trí	2.0%	(9.5)	7.2	33.7%	152.5%	278.3%	145.2%	51.6%	44.4%	38.7%	-300.3%	
Tài nguyên Cơ bản	3.8%	24.6	1.1	35.5%	8.8%	-4.3%	-22.7%	5.9%	-62.9%	-134.4%	-144.3%	
Hóa chất	2.9%	6.3	1.2	56.1%	31.8%	23.3%	-7.1%	246.1%	106.9%	32.0%	-33.8%	
Dầu khí	2.3%	7.5	1.1	74.8%	85.5%	102.8%	35.5%	14.2%	169.4%	-50.9%	-5.1%	
Viễn thông	1.5%	22.0	2.3	17.2%	12.5%	16.8%	18.9%	3546.2%	25.8%	319.6%	-71.5%	
Bán lẻ	1.9%	18.6	2.6	24.8%	13.2%	37.7%	-13.1%	19.8%	-17.4%	22.8%	-58.5%	
Công nghệ Thông tin	1.9%	17.2	3.1	25.6%	20.5%	29.1%	15.8%	48.3%	34.2%	22.8%	-10.6%	
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%	9.6	1.5	30.6%	30.5%	62.6%	1.2%	37.7%	40.1%	123.5%	-42.7%	
Y tế	0.9%	13.9	1.6	-10.7%	-11.9%	11.3%	6.6%	20.8%	-1.6%	30.2%	11.6%	
Tài chính	33.2%	8.9	1.5	22.0%	14.4%	23.9%	11.8%	30.8%	22.4%	38.1%	2.7%	
Phi tài chính	66.8%	15.6	1.8	27.0%	20.1%	32.7%	5.4%	51.9%	26.9%	-4.9%	-57.5%	
TỔNG	100.0%	12.2	1.7	26.1%	19.1%	31.2%	6.4%	40.9%	24.9%	14.9%	-32.3%	

Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

YẾU TỐ KỲ VỌNG

- Quá trình mở cửa trở lại của Trung Quốc thúc đẩy sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu, logistics, du lịch, ...
- Lạm phát và chính sách lãi suất của Fed “bớt thắt chặt”, kỳ vọng diễn biến lãi suất trong nước hạ nhiệt;
- Tiến độ giải ngân các dự án đầu tư công;
- Chính sách vĩ mô liên quan đến thị trường trái phiếu và bất động sản.

Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ



Phân bổ tài sản

Trung bình 65%

- Tiếp tục duy trì quan điểm thận trọng trong nửa đầu năm khi thị trường vẫn đối diện với áp lực tăng lãi suất và chờ đợi các tín hiệu từ chính sách vĩ mô.
- Triển vọng tích cực hơn được đánh giá có thể xuất hiện trong nửa sau của năm 2023.



Lựa chọn cổ phiếu

- Các ngành được hưởng lợi khi Trung Quốc mở cửa: sợi dệt, thủy sản, nông nghiệp, dịch vụ du lịch, ...
- Ngành được hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao như bảo hiểm
- Các ngành phục vụ cho các dự án đầu tư công như vật liệu xây dựng
- Ngành ngân hàng với mức độ phân hóa cao

Báo cáo giám sát hoạt động
Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt năm 2022

của Ngân hàng Giám sát
BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

NỘI DUNG BÁO CÁO

Phần I

KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2022

Phần III

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Phần III

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

Phần IV

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

CÁC VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

STT	Vấn đề trình ý kiến	Chi tiết
1	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG
2	Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 cho Quỹ VCAMBF	Tiếp tục lựa chọn KPMG là công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 cho Quỹ VCAMBF
3	Chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023	Tổng thù lao Ban Đại diện Quỹ năm 2023 là 72.000.000 VND

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (VCAMBF)
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022

Q & A



VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (VCAMBF)
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022

Thank You



VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

Viet Capital Asset Management
info@vietcapital.com.vn

Head office: Floor 5, HM Town Building, 412 Nguyen Thi Minh Khai, Dist.3, HCMC, Vietnam
T +8428 3823 9909 | **F** +8428 3824 6329 | **W** **www.vietcapital.com.vn**